

**BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ**



**THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ**



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

I. HIỆN TRẠNG NGÀNH HÀNG

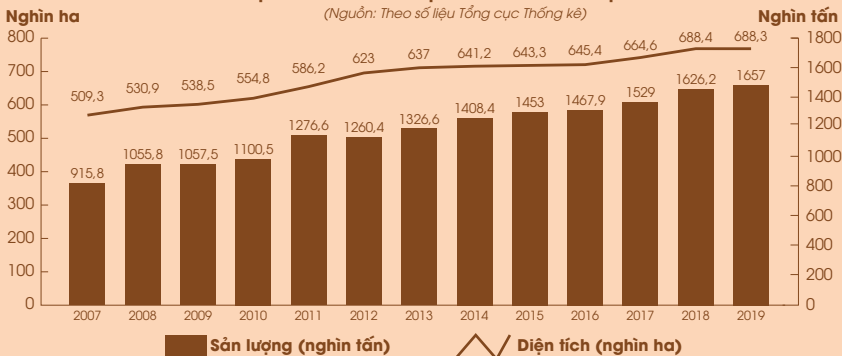
1. Năng lực cung ứng của Việt Nam

Việt Nam là nước có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất cà phê, năng suất và sản lượng liên tục được cải thiện trong hơn 10 năm qua

Sự gia tăng năng suất phần lớn nhờ thay đổi tập quán canh tác theo hướng thâm canh và bền vững, áp dụng các kỹ thuật canh tác tốt.

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)



Cà phê Robusta (cà phê vối) - cà phê có thể mạnh của Việt Nam chiếm tỷ trọng chính cả về diện tích và sản lượng, giữ vai trò chủ đạo trong kinh doanh, sản xuất & chế biến và được trồng tập trung chủ yếu ở Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông và Gia Lai

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH CÀ PHÊ ROBUSTA NIÊN VỤ 2018 - 2019

STT	VÙNG TRỒNG ARABICA	DIỆN TÍCH (ĐVT: NGHÌN 1000 HA)	SẢN LƯỢNG (ĐVT: 1000 TẤN)	NĂNG SUẤT (ĐVT: TẤN/HA)
1	Đắk Lắk	204	490	2,4
2	Lâm Đồng	164	443	2,7
3	Đak Nông	158	417	2,6
4	Gia Lai	91	253	2,8
5	Kon Tum	17	51	3,1
6	Bình Phước	15	23	1,5
7	Bình Thuận	3	7	2,3
8	Đồng Nai	11	21	1,9
9	Tỉnh khác	5	8	1,7

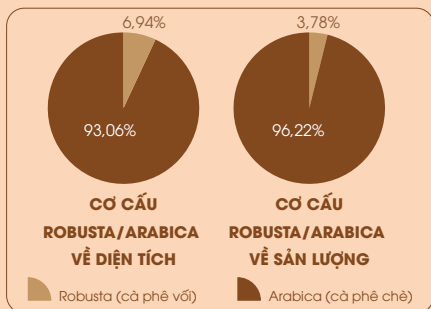


Cà phê Arabica - dòng cà phê được ưa chuộng ở châu Âu

Arabica được trồng chủ yếu ở Lâm Đồng và Sơn La; đây cũng là nơi tập trung các nhà máy sản xuất chế biến theo phương pháp ướt.

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH CÀ PHÊ ARABICA NIÊN VỤ 2018 - 2019

STT	VÙNG TRỒNG ARABICA	DIỆN TÍCH (ĐVT: NGHÌN 1000 HA)	SẢN LƯỢNG (ĐVT: 1000 TẤN)	NĂNG SUẤT (ĐVT: TẤN/HA)
1	Lâm Đồng	19	28	1,5
2	Sơn La	14	18	1,3
3	Điện Biên	5	9	1,9
4	Quảng Trị	5	5	1,1
5	Đắk Lắk	4	4	1,0
6	Tỉnh khác	4	3	0,8



Năng suất cà phê Việt Nam thường cao nhất trên thế giới, trung bình 2,6 tấn/ha nhân đối với Robusta và 1,4 tấn nhân/ha đối với Arabica



Việt Nam đứng thứ 3 về diện tích cà phê được chứng nhận bền vững chỉ sau Brazil và Colombia

Những năm gần đây, Việt Nam đã chuyển hướng mạnh sang sản xuất cà phê có chứng nhận bền vững, giúp nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu thế giới.

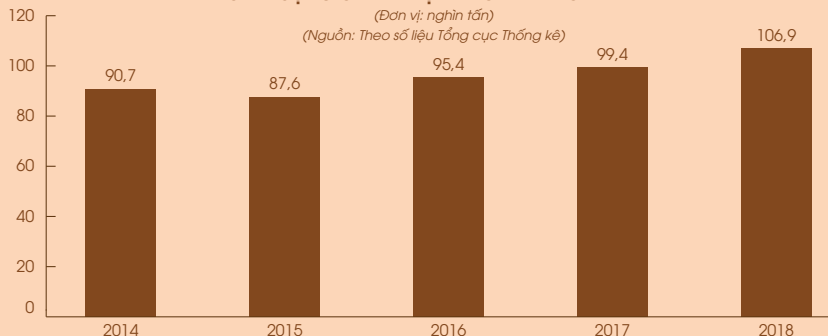


Năng lực chế biến cà phê cải thiện đáng kể, tuy nhiên các doanh nghiệp FDI vẫn chiếm thị phần chính

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ BỘT VÀ CÀ PHÊ HÒA TAN

(Đơn vị: nghìn tấn)

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)



Tốc độ phát triển chế biến cà phê trong thời gian qua tương đối cao khi tổng công suất thiết kế chế biến cà phê tiêu dùng đạt 132.494,4 tấn sản phẩm/năm, công suất thực tế đạt 94.374,2 tấn sản phẩm/năm, vượt xa so với chỉ tiêu đề ra là 10.000 tấn năm 2010 lên 20.000 tấn năm 2015 và 30.000 tấn vào năm 2020. Các nhà máy thường hoạt động chưa hết công suất thiết kế, nhất là chế biến cà phê nhân và chế biến cà phê bột mới chỉ đạt trên 50%.

Phân khúc cà phê chế biến và thị trường xuất khẩu cà phê chế biến vẫn đang chủ yếu tập trung ở nhóm các doanh nghiệp FDI.

2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam

Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới, chiếm 8,3% thị phần xuất khẩu cà phê toàn cầu, chỉ đứng sau Brazil

Các thị trường xuất khẩu cà phê chính của Việt Nam bao gồm: EU, Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Anh

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam chiếm gần 44% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này năm 2019

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2019 đạt 1,653 triệu tấn, trị giá 2,855 tỷ USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 19,3% về trị giá so với năm 2018. Trong đó xuất khẩu cà phê sang thị trường EU lớn nhất, chiếm 43,9% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong năm 2019, đạt 725,7 nghìn tấn, trị giá 1,164 tỷ USD, giảm 3,6% về lượng và giảm 14,4% về trị giá so với năm 2018.

Trong số các thị trường thành viên EU, cà phê Việt Nam được xuất chủ yếu sang các nước: Đức, Italia, Tây Ban Nha, Bỉ và Pháp

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM SANG CÁC THỊ TRƯỜNG EU TRONG NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Thị trường	Năm 2019			Năm 2019 so với năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD /tấn)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	Năm 2019	Năm 2018
Tổng	1.653.265	2.854.609	1.727	-11,9	-19,3	-8,4	100	100
EU	725.704	1.164.243	1.604	-3,6	-14,4	-11,3	43,9	40,1
Đức	234.569	366.279	1.561	-9,9	-20,2	-11,4	14,2	13,9
Italia	140.993	224.377	1.591	3,6	-8,5	-11,7	8,5	7,3
Tây Ban Nha	133.982	214.642	1.602	9,9	-2,1	-10,9	8,1	6,5
Bỉ	73.226	115.923	1.583	-2,5	-11,4	-9,1	4,4	4,0
Anh	49.255	79.115	1.606	-8,4	-17,3	-9,7	3,0	2,9
Pháp	34.427	52.571	1.527	-12,1	-22,4	-11,7	2,1	2,1
Ba Lan	13.552	30.158	2.225	-5,1	-10,8	-6,0	0,8	0,8
Bồ Đào Nha	15.204	24.498	1.611	-10,8	-19,5	-9,8	0,9	0,9
Hy Lạp	12.808	19.898	1.554	-6,1	-16,5	-11,0	0,8	0,7
Hà Lan	10.179	17.843	1.753	-4,2	-18,4	-14,9	0,6	0,6
Hungary	1.196	6.542	5.470	-41,1	-48,0	-11,8	0,1	0,1
Rumani	3.154	6.476	2.053	-28,8	-48,4	-27,6	0,2	0,2
Phần Lan	2.003	4.226	2.110	29,9	24,7	-4,0	0,1	0,1
Đan Mạch	1.156	1.696	1.468	-51,7	-60,8	-18,9	0,1	0,1



Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê nguyên liệu sang thị trường EU

Mã HS. 090111 (Cà phê chưa rang và khử caffein) là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất sang EU. Một hàng này cũng có thị phần khá quan trọng tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới (15,8%). Mã HS. 090112 đứng thứ 2 về kim ngạch nhưng lại là một hàng có thị phần tốt nhất tại EU.

THAM KHẢO CHỦNG LOẠI CÀ PHÊ EU NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN

(Nguồn: Theo số liệu ITC)

Mã HS	Chủng loại	Năm 2019		Năm 2019		Thị phần hàng Việt Nam tại EU
		EU nhập khẩu từ thế giới (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2018 (%)	EU nhập khẩu từ Việt Nam (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2018 (%)	
'090111	Cà phê chưa rang và khử caffein	8.157.431	-7,2	1.286.918	-16,0	15,8
'090112	Cà phê rang, khử caffein	167.524	-1,2	28.991	-11,6	17,3
'090121	Cà phê rang chưa khử caffein	6.906.234	-1,7	1.405	-24,0	0,0
'090190	Vỏ cà phê	73.517	-3,3	72	2,9	0,1
'090122	Cà phê khử caffein	425.255	-6,4	7	250	0,0

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

1. Nhu cầu nhập khẩu



EU là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất trên thế giới, với kim ngạch nhập khẩu từ các nước ngoài khối khoảng 10 tỷ USD/năm, chiếm 66% lượng nhập khẩu và khoảng 30% lượng tiêu thụ toàn cầu



Lượng nhập khẩu cà phê của thị trường EU liên tục tăng trưởng trong 3 năm qua

Theo Eurostat, nhập khẩu cà phê vào EU năm 2019 đạt 4,189 triệu tấn, trị giá 13,1 tỷ euro, tăng 2,9% về lượng và tăng 0,2% về trị giá so với năm 2018.

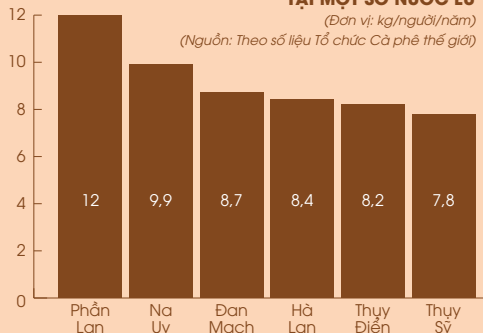


EU là một trong những nơi có tiêu dùng cà phê trên đầu người cao nhất thế giới, trên 5kg/người/năm, trong đó dẫn đầu là Phần Lan

MỨC TIÊU THỤ CÀ PHÊ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ NƯỚC EU

(Đơn vị: kg/người/năm)

(Nguồn: Theo số liệu Tổ chức Cà phê thế giới)



Mặc dù theo dự báo trong năm 2020 kinh tế khu vực EU sẽ tăng trưởng chậm lại do tác động của dịch Covid-19 nhưng nhu cầu tiêu dùng cà phê của thị trường này vẫn lớn. Trong đó, nhu cầu tiêu thụ cà phê chế biến, đặc sản ngày càng gia tăng

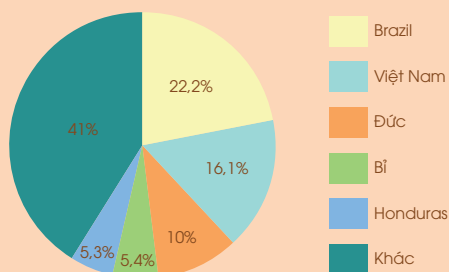
2. Các nguồn cung ứng chính



Việt Nam là nhà cung ứng cà phê lớn thứ 2 vào EU, chiếm 16,1% thị phần về lượng (chỉ sau Brazil với 22,2%)

CƠ CẤU NGUỒN CUNG ỨNG CÀ PHÊ NHẬP KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Eurostat)



THAM KHẢO MỘT SỐ NGUỒN CUNG CÀ PHÊ CHỦ YẾU CHO THỊ TRƯỜNG EU

(Nguồn: Theo số liệu Eurostat)

Nguồn cung	Năm 2019			Năm 2019 so với năm 2018 (%)			Thị phần về lượng (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn EURO)	Giá (EURO/tấn)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
Tổng	4.189.196	13.132.119	3.135	2,9	0,2	-13,7	100,0	100,0	100,0
Brazil	932.046	1.847.571	1.982	11,8	2,1	-23,0	22,2	20,5	20,9
Việt Nam	673.037	1.012.890	1.505	-5,9	-13,2	-25,1	16,1	17,6	16,5
Đức	418.812	1.496.112	3.572	-0,7	-2,9	-12,7	10,0	10,4	10,1
Bỉ	225.882	632.326	2.799	5,9	2,9	-11,9	5,4	5,2	5,0
Honduras	221.236	511.915	2.314	3,1	-2,8	-22,9	5,3	5,3	5,3
Colombia	165.510	467.217	2.823	5,5	6,3	-13,0	4,0	3,9	4,4
Italy	148.219	856.267	5.777	5,9	3,5	-5,3	3,5	3,4	3,4
Uganda	145.357	241.255	1.660	-9,7	-14,0	-20,5	3,5	4,0	3,9
Ấn Độ	136.762	262.434	1.919	-11,7	-11,5	-13,3	3,3	3,8	3,8
Peru	112.748	309.375	2.744	-5,1	1,1	-8,5	2,7	2,9	2,9
Hà Lan	106.192	555.161	5.228	-4,1	-0,2	-6,5	2,5	2,7	2,7
Ethiopia	80.482	218.327	2.713	-3,6	-3,1	-18,6	1,9	2,0	1,9
Thụy Sĩ	79.776	1.404.546	17.606	29,9	4,1	-34,6	1,9	1,5	1,4
Indonesia	76.948	153.349	1.993	33,7	21,8	-6,2	1,8	1,4	3,0
Pháp	50.567	886.996	17.541	4,2	3,6	-3,5	1,2	1,2	1,1
Ba Lan	49.537	243.364	4.913	-6,0	-0,8	-1,8	1,2	1,3	1,3
Nicaragua	41.604	104.689	2.516	1,8	1,5	-20,6	1,0	1,0	0,8
Guatemala	33.957	103.492	3.048	-16,7	-13,1	-13,4	0,8	1,0	0,9
Anh	33.803	226.855	6.711	14,7	18,2	-6,0	0,8	0,7	0,8
Mehico	32.959	83.624	2.537	20,9	12,8	-24,5	0,8	0,7	0,6
Tanzania	30.370	62.731	2.066	55,3	47,5	-17,8	0,7	0,5	0,6
Trung Quốc	28.894	56.790	1.965	-26,6	-32,2	-23,9	0,7	1,0	0,9

Đến nay cà phê nguyên liệu của Việt Nam vẫn cạnh tranh chủ yếu bằng giá và có giá trị thấp so với các đối thủ trên thị trường.

Xét về chỉ số năng lực cạnh tranh (RCA), Việt Nam có lợi thế tương đối lớn đối với một hàng cà phê (RCA > 1), cao hơn hầu hết các quốc gia nội khối EU hay CPTPP. Tuy nhiên so với các cường quốc cà phê trên thế giới, năng lực cạnh tranh của Việt Nam chỉ ở mức trung bình.

3. Thị hiếu, xu hướng tiêu thụ

Các nhà bán lẻ cà phê ở châu Âu đang ngày càng chú trọng đến cách trình bày và phong cách pha chế sáng tạo. Hơn nữa, việc sử dụng cà phê trong các sản phẩm như bánh, kẹo, bột dinh dưỡng... cũng góp phần tạo ra sự phát triển mới tại thị trường cà phê ở châu Âu.



Thương mại xanh trong ngành cà phê đang ngày càng được ủng hộ bởi người tiêu dùng EU. Phần khúc rang xay tại chỗ (thay vì sử dụng cà phê đóng gói hoặc được pha sẵn) thường thích hương vị cà phê riêng biệt theo sở thích cũng được một nhóm người tiêu dùng ưa thích lựa chọn.

Nhu cầu về các dòng cà phê đặc biệt cũng có xu hướng tăng ở phân khúc khách hàng cao cấp, có nguồn gốc xuất xứ "độc nhất" từ một trang trại cụ thể có thương hiệu hoặc đáp ứng được các tiêu chí bền vững.

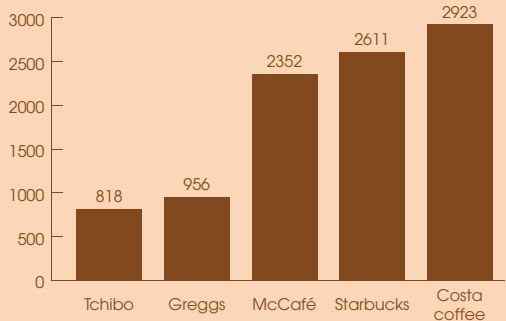
Tuy nhiên, về cơ bản phần đông người tiêu dùng EU vẫn gắn cà phê với các hoạt động giải trí, gặp gỡ bạn bè hay công việc tại các quán cà phê.

Nắm giữ vai trò chính trong các kênh phân phối trên thị trường cà phê EU là những công ty có thị phần và thương hiệu lớn như Caffè Nero, Coffee Beanery, Coffee Republic, Costa Coffee, Dunkin' Donuts, Keurig Green Mountain, Kraft Heinz, Mauro Demetrio, McCafé, Nestle, Segafredo, Starbucks, Strauss Group và Tim Hortons.




SỐ LƯỢNG CÁC QUÁN CÀ PHÊ THEO THƯƠNG HIỆU TẠI EU

(Nguồn: Theo số liệu Allegra Coffee World Portal)



III. LỢI THẾ TỪ HIỆP ĐỊNH EVFTA

1. Thuế quan

 Với cam kết xóa bỏ thuế quan theo EVFTA, cà phê xuất khẩu sang EU sẽ có 93% dòng thuế về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực

SO SÁNH CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP VÀ EVFTA ĐỐI VỚI MẬT HÀNG CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM

(Nguồn: Rà soát cam kết trong khuôn khổ hiệp định CPTPP và EVFTA)

Nước	Cà phê chưa rang		Cà phê đã rang		Các chất thay thế có chứa cà phê, vỏ cà phê		Các sản phẩm cà phê chế biến	
	Thuế Cơ sở	Thuế suất cam kết cuối cùng	Thuế Cơ sở	Thuế suất cam kết cuối cùng	Thuế Cơ sở	Thuế suất cam kết cuối cùng	Thuế Cơ sở	Thuế suất cam kết cuối cùng
EU (EVFTA)	0%	0% ngay lập tức	7,5%	0% ngay lập tức	0%	0%	9%-11,5%	0% ngay lập tức
CPTPP, trong đó:								
Australia, Singapore và Canada	0%	0%	0%	0% ngay lập tức	0%	0%	0%	0%
New Zealand	0%	0%	5%	0% ngay lập tức	0%	0%	5%	0% ngay lập tức
Brunei	11€/kg	0% sau 7 năm	22€/kg	0% sau 7 năm	0%	0%	5%	0% ngay lập tức
Malaysia	0%	0%	0%	0%	0%	0%	5%-10%	0% ngay lập tức
Nhật Bản	0%	0%	12%	0% ngay lập tức	0%	0%	8,8%-29,8% +10,43\$/kg	- 0% cà phê nhân, rang xay; chiết xuất, tinh chất và các chất có đặc từ cà phê - Áp dụng ngay đối với chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất chiết xuất, tinh chất và các chất có đặc từ cà phê và có chứa đường (HN: 8.600-12.000 tấn theo lộ trình + áp thuế ngoài hạn ngạch theo MFN) - Lộ trình: 6-22 năm
Mexico	20%	0% Robusta: sau 16 năm các loại khác: sau 10 năm	72%	36% sau 5 năm	72%	36% sau 5 năm	140%	42% kể từ năm thứ 7
Chi Lê	6%	0% ngay lập tức	6%	0% ngay lập tức	6%	0% ngay lập tức	6%	0% ngay lập tức
Peru	17%	0% ngay lập tức	17%	0% ngay lập tức	9%	0% ngay lập tức	6%	0%



Quy tắc xuất xứ đối với cà phê theo EVFTA

Để được hưởng các ưu đãi thuế quan theo EVFTA, cà phê phải có xuất xứ thuần túy, tức là được trồng tại Việt Nam. Đối với các chế phẩm từ cà phê: không tái sản xuất lại từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra; và trọng lượng đường sử dụng trong sản phẩm không được vượt quá 40% trọng lượng sản phẩm.

2. Đầu tư

Hiện EU đang nỗ lực khuyến khích các nước thành viên mở lại biên giới và tăng cường giao thương giữa các nước song vẫn phải đảm bảo các biện pháp phòng dịch an toàn. Theo đó nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà của người dân được dự báo sẽ vẫn ở mức cao, bởi cà phê cũng là một trong những mặt hàng được sử dụng thường xuyên bởi nhiều hộ gia đình.

Để tận dụng được các lợi thế từ EVFTA cho xuất khẩu cà phê có giá trị gia tăng cao sang EU, cần đầu tư cho chế biến sâu vì thị trường này ưa chuộng các sản phẩm cà phê đã qua chế biến.

Việt Nam sẽ có cơ hội thu hút mạnh các nhà đầu tư đến từ châu Âu và các nước vốn có kinh nghiệm về chế biến sâu, tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, cách thức tổ chức sản xuất, từ đó nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm, giúp các sản phẩm cà phê Việt Nam tiến dần tới các tiêu chuẩn quốc tế.

Đồng thời, theo khuyến nghị của Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, các doanh nghiệp cà phê cần phối hợp với các địa phương đầu tư vùng nguyên liệu tập trung, chất lượng nhằm phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

Ngoài ra, theo EVFTA, EU công nhận và bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, trong đó có cà phê Buôn Mê Thuột. Ngoài việc phát triển thị trường cà phê truyền thống, doanh nghiệp có thể cân nhắc đầu tư phát triển thương hiệu cà phê đặc sản tại khu vực này.



IV. QUY ĐỊNH, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐỂ XUẤT KHẨU VÀO EU

1. Các quy định, tiêu chuẩn hiện hành



An toàn vệ sinh thực phẩm

An toàn thực phẩm là một vấn đề quan trọng trong Luật Thực phẩm châu Âu và được điều chỉnh bởi Luật Thực phẩm chung.

Quy định EC số 178/2002, ngày 28/01/2002 – Luật chung về an toàn thực phẩm đối với tất cả các giai đoạn sản xuất và phân phối.

Quy định EC số 852/2004, ngày 29/4/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về vệ sinh thực phẩm.

Tuân thủ hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như ISO 9001, ISO 22000 và các nguyên tắc phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP). HACCP thường là bước đầu tiên hướng tới các chương trình an toàn thực phẩm nghiêm ngặt hơn như FSSC22000 hoặc BRC.



Áp dụng Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu GLOBAL G.A.P bao gồm các tiêu chuẩn tự nguyện để chứng nhận quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn và sản phẩm có thể truy nguyên nguồn gốc.



Kiểm soát chất gây ô nhiễm trong thực phẩm

Ô nhiễm thực phẩm có thể xảy ra ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất do yếu tố môi trường, thực hành canh tác, phương pháp chế biến hoặc vận chuyển. EU quy định các chất gây ô nhiễm cần được đảm bảo ở mức thấp nhất có thể để không đe dọa sức khỏe con người hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng thực phẩm. Các chất gây ô nhiễm phổ biến có thể được tìm thấy trong các sản phẩm cà phê là: thuốc trừ sâu; độc tố nấm mốc; salmonella; dung môi chiết; polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs); Acrylamide.

Quy định EC số 1881/2006, ngày 19/12/2006 về thiết lập nồng độ tối đa cho các chất gây ô nhiễm nhất định trong thực phẩm để được phép nhập khẩu vào thị trường châu Âu.

Các quy định về nồng độ độc tố, kim loại nặng, PCBs, PAH, 3-MCPD, melamine, erucic acid, và nitrates được xác định theo từng mặt hàng và mùa vụ.

Quy định EEC số 315/93, ngày 08/02/1993 đặt ra các thủ tục cộng đồng cho các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm.

Kiểm soát dư lượng thuốc trừ sâu

EU quy định mức dư lượng tối đa (MRLs) cho thuốc trừ sâu trong và trên các sản phẩm thực phẩm. Các sản phẩm có chứa mức thuốc trừ sâu vượt quá mức cho phép sẽ bị thu hồi khỏi thị trường châu Âu.

Quy định EC số 396/2005, ngày 23/02/2005 thiết lập mức MRLs đối với thuốc trừ sâu được phép trong các sản phẩm thực phẩm, bao gồm cả cà phê.

Quy định EU số 540/2011, ngày 25/5/2011 xác định các hoạt chất đã được phê duyệt.

Quy định EU số 2019/1793, ngày 22/10/2019 xác định một số biện pháp tạm thời về kiểm soát chất lượng hàng nhập khẩu từ nước thứ ba.

Đối với cà phê hữu cơ: mức dư lượng thuốc trừ sâu phải bằng 0, điều này gây khó khăn cho một số nhà xuất khẩu trong trường hợp glyphosate khiến cà phê mất trạng thái hữu cơ.



Độc tố nấm mốc

Nấm mốc là một lý do quan trọng khi các sản phẩm bị từ chối thông quan qua cửa biên giới, điển hình là mức Ochratoxin A (OTA). Mặc dù không có giới hạn cụ thể đối với hạt cà phê xanh, nhưng đối với cà phê rang hạt và rang xay: mức OTA tối đa được đặt ở mức 5 µg/kg và đối với cà phê hòa tan: mức tối đa được đặt ở mức 10 µg/kg.

Salmonella

Salmonella là một dạng ô nhiễm vi sinh, xảy ra do kỹ thuật thu hoạch và sấy khô không đảm bảo. Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA) có thể thu hồi các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu khỏi thị trường khi tìm thấy Salmonella trong quá trình kiểm soát. Chiếu xạ là cách thức để chống lại vi sinh nhưng lại không được EU cho phép sử dụng trên các sản phẩm cà phê.

Quy định EC số 2073/2005, ngày 15/11/2005 về các tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm.

Dung môi chiết xuất

Dung môi có thể được sử dụng để khử cà phê. Giới hạn dư lượng tối đa đối với các dung môi chiết xuất như methyl acetate (20 mg/kg trong cà phê), dichloromethane (2 mg/kg trong cà phê rang) và ethylmethylketone (20 mg/kg trong cà phê).

Chỉ thị số 2009/32/EC, ngày 23/4/2009 về việc hạn chế dung môi chiết xuất.



Truy xuất nguồn gốc, tuân thủ và trách nhiệm trong thực phẩm

Tuân thủ các nghĩa vụ trong tất cả các giai đoạn của sản xuất và phân phối.

Các nhà kinh doanh thực phẩm cần phải xác định được nhà cung cấp và người nhận hàng gần nhất theo Quy định EC số 178/2002, ngày 28/01/2002.



Ghi nhãn thực phẩm

Thực phẩm đến tay người tiêu dùng cần phải đáp ứng các thông tin bắt buộc về tên sản phẩm, danh sách thành phần, khối lượng ròng, ngày hết hạn, điều kiện bảo quản, nước xuất xứ, hướng dẫn sử dụng, đánh dấu lớn và bảng tuyên bố dinh dưỡng.

Quy định EU số 1169/2011 được Ủy ban châu Âu ban hành vào ngày 22/11/2011 đối với nhãn sản phẩm thực phẩm.

Cà phê phải được gắn nhãn theo đúng quy định của Chỉ thị số 2000/13/EC, ngày 20/3/2000.

2. Các Hệ thống quản lý của EU

Ủy ban châu Âu về Thương mại

Ủy ban châu Âu về An toàn Thực phẩm

Ủy ban châu Âu về Môi trường

Ủy ban châu Âu về Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA)

Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) và Hệ thống REACH

Ủy ban Tiêu chuẩn châu Âu (CEN) về thông số kỹ thuật

Hệ thống kiểm soát và xuất khẩu thương mại TRACES

V. CÁC ĐỊA CHỈ THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Bộ phận Trợ giúp thương mại EU: <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>

2. Luật An toàn thực phẩm tại EU: https://ec.europa.eu/food/overview_en

3. Tiêu chuẩn UNECE: <https://www.unece.org/trade/agr/standard/fresh/ffv-standardse.html>; Standards and Recommendations: <https://www.unece.org/tradewelcome/steering-committee-on-trade-capacity-and-standards/tradeagr/standards-and-recommendations.html>

4. Tiêu chuẩn sản phẩm:

https://ec.europa.eu/info/business-economy-euro/product-safety-and-requirements/eu-product-requirements_en

5. Tiêu chuẩn thị trường: <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/marketing-standards>

6. Tiêu chuẩn CSR: https://ec.europa.eu/growth/industry/sustainability/corporate-social-responsibility_en

7. Các Quy định của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>

8. Tài liệu hướng dẫn - các câu hỏi liên quan đến yêu cầu nhập khẩu và các quy tắc mới về vệ sinh thực phẩm và kiểm soát thực phẩm chính thức:

https://ec.europa.eu/food/sites/food/files/squill/docs/ia_ic_guidance_import-requirements.pdf

9. Thông tin về các chất gây ô nhiễm thực phẩm: https://ec.europa.eu/food/squill/chemical_safe/contaminants/index_en.html

10. Phòng thí nghiệm tham khảo cộng đồng về dư lượng thuốc trừ sâu: <https://www.crl-paturalides.eu>

11. Thông tin về các thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất cà phê: website của World Coffee Research

12. Hướng dẫn về HACCP cho cà phê: Website của Trung tâm Thương mại quốc tế

13. Thông tin về Hiệp định Thương mại tự do EVFTA: <http://evfta.moit.gov.vn/>

14. Trung tâm Xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI): <https://www.cbi.eu>

15. Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84.24.2220.5376

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchau

16. Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA)

Địa chỉ: Số 5 Ông Ích Khiêm, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84.24) 3733 6520 - 3845 2818

Email: info.vicofa@gmail.com

Website: www.vicofa.org.vn

17. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại EU

1. Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg

Tham tán Thương mại: Trần Ngọc Quân
Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium
Tel: +32 2 3118976
Email: quanfn@moit.gov.vn, be@moit.gov.vn

2. Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia

Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương
Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria
Tel: +43 1 3671759
Email: cf@moit.gov.vn; phuongtvi@moit.gov.vn

3. Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thành Hải
Địa chỉ: Ul.Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa
Tel: +48 22 1147131
Email: pl@moit.gov.vn, haint@moit.gov.vn

4. Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania

Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy
Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria
Tel: +359 2 9632609 ext 102
Email: bg@moit.gov.vn, huypt@moit.gov.vn

5. Thương vụ tại Đức

Tham tán Thương mại: Bùi Vương Anh
Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland
Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374
Email: de@moit.gov.vn; anhbv@moit.gov.vn

6. Thương vụ tại Hà Lan

Tham tán Thương mại: Nguyễn Hải Tịnh
Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost – Indie 2593 BR, The Hague
Tel: +31 70 3815594
Email: nl@moit.gov.vn, haitinh@hotmail.com; tinhnh@moit.gov.vn

7. Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina

Tham tán Thương mại: Phạm Văn Công
Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89
Tel: + 36 1 2616361
Email: hu@moit.gov.vn, congvtc@gmail.com

8. Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra

Tham tán Thương mại: Nguyễn Quỳnh Anh
Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France
Tel: +33 1 46248577
Email: fr@moit.gov.vn, anhngq@moit.gov.vn

9. Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro

Tham tán Thương mại: Hoàng Anh Dũng
Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti – Romania.
Tel: +40 31 1007613
Email: ro@moit.gov.vn; dungmex@yahoo.com

10. Thương vụ tại CH Séc kiêm nhiệm Slovakia

Tham tán thương mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy
Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic
Tel: +420 773 635 829
Email: cz@moit.gov.vn

11. Thương vụ tại Tây Ban Nha

Tham tán thương mại: Vũ Chiến Thắng
Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain
Tel: +34 91 3450519
Email: espa@moit.gov.vn; thangvc@moit.gov.vn

12. Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hoàng Thủy
Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden
Tel: +46 8 322666
Email: se@moit.gov.vn, ThuyNH@moit.gov.vn

13. Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino

Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh
Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia
Tel: +39 06 841 3913
Email: it@moit.gov.vn, thanhnguyen@moit.gov.vn

14. Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland

Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường
Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street
Tel: +44 207 207 9825
Email: uk@moit.gov.vn, cuongnc@moit.gov.vn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3 934 1562 **Fax:** 024 3 938 7164

Website: nhaxuatbancongthuong.com.vn

Email: nxbct@moit.gov.vn

THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

Biên tập viên NXB: Đồng Thị Thu Thủy

Ban Biên soạn

Chủ biên: Tạ Hoàng Linh

Biên soạn:

Nguyễn Thảo Hiền

Đỗ Việt Tùng

Đỗ Thị Minh Phương

Đỗ Việt Hà

Chử Hương Lan

Phan Quang Nghĩa

In 500 cuốn, khổ 13 x 20 cm

In tại Công ty TNHH In Đại Thành

Địa chỉ: 273 Kương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 4231-2020/CXBIPH/01-174/CT

Số QĐXB: 281/QĐ-NXBCT

Mã số ISBN: 978-604-311-080-7

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2020

Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

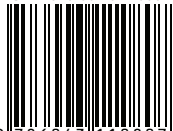
Tel: +84.24.2220.5376

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy

ISBN: 978-604-311-080-7



9 786043 110807

ẤN PHẨM KHÔNG BÁN